



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện  
Taya (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy phép Đầu tư số</b>	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003	
414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004	
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007	
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp		

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số</b>	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp		

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	3600241468	ngày 20 tháng 9 năm 2022
	3600241468	ngày 27 tháng 4 năm 2023
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp	

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Hsu Ching Yao  Ông Wang Ting Shu  Ông Huang Shih Che	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 4 năm 2023) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2023) Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 4 năm 2023) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2023)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>		
<b>Trụ sở chính</b>	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
<b>Chi nhánh</b>	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hsu Ching Yao  
Tổng Giám đốc



Tỉnh Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2023





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00375-23-2



Nguyễn Thủy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>954.301.339.949</b>	<b>957.649.381.406</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>164.202.511.465</b>	<b>89.646.925.771</b>
Tiền	111		148.555.839.075	74.686.925.771
Các khoản tương đương tiền	112		15.646.672.390	14.960.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>161.630.130.353</b>	<b>144.920.130.353</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	161.630.130.353	144.920.130.353
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>241.963.920.247</b>	<b>339.375.455.853</b>
Phải thu của khách hàng	131	9(a)	214.719.654.128	293.613.059.218
Trả trước cho người bán	132	9(b)	25.614.094.975	43.620.999.607
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.654.130.432	3.165.356.316
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>363.784.174.883</b>	<b>363.591.612.535</b>
Hàng tồn kho	141		365.855.724.678	366.483.976.351
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.071.549.795)	(2.892.363.816)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.720.603.001</b>	<b>20.115.256.894</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.711.015.390	2.878.336.296
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	16.087.087.312	13.588.409.073
Thuế phải thu Nhà nước	153		2.710.787.644	3.463.700.870
Tài sản ngắn hạn khác	155		211.712.655	184.810.655
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>84.511.027.749</b>	<b>89.948.257.977</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.469.414.578</b>	<b>85.162.557.314</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	78.469.414.578	85.162.557.314
Nguyên giá	222		513.013.039.027	512.886.678.917
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(434.543.624.449)	(427.724.121.603)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.000.078.800)	(1.000.078.800)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.457.824.227</b>	<b>300.000.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.457.824.227	300.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.583.788.944</b>	<b>4.485.700.663</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.147.287.700	3.887.319.749
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		436.501.244	598.380.914
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.038.812.367.698</b>	<b>1.047.597.639.383</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>560.911.875.457</b>	<b>555.736.885.584</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>560.911.875.457</b>	<b>555.736.885.584</b>
Phải trả người bán	311	14	13.857.162.144	9.192.157.178
Người mua trả tiền trước	312		28.676.012.791	41.840.827.292
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(b)	1.575.469.209	2.318.652.838
Phải trả người lao động	314		2.629.760.807	8.797.400.166
Chi phí phải trả	315		5.341.757.772	3.820.105.676
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	12.420.577.162	145.018.657
Vay ngắn hạn	320	17	496.411.135.572	489.622.723.777
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>477.900.492.241</b>	<b>491.860.753.799</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>477.900.492.241</b>	<b>491.860.753.799</b>
Vốn cổ phần	411	19	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	19	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	21	104.160.685.081	99.368.153.238
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.113.196.523	85.865.989.924
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		67.986.494.868	53.915.777.636
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		(873.298.345)	31.950.212.288
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.038.812.367.698</b>	<b>1.047.597.639.383</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:

  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Hsu Ching Yao  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 02a - DN**

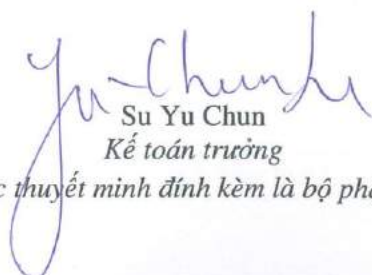
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	720.047.648.991	1.143.350.462.614
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	2.748.350
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>720.047.648.991</b>	<b>1.143.347.714.264</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	666.614.836.370	1.062.401.963.847
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>53.432.812.621</b>	<b>80.945.750.417</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.546.050.718	12.282.871.254
Chi phí tài chính	22	26	25.309.189.914	15.632.845.845
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.666.354.919</i>	<i>11.668.121.616</i>
Chi phí bán hàng	25	27	12.168.192.410	13.420.946.386
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21.818.241.631	21.222.519.422
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.683.239.384</b>	<b>42.952.310.018</b>
Thu nhập khác	31		60.965.965	6.106.390
Chi phí khác	32		1.406.981.189	5.686.680
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.346.015.224)</b>	<b>419.710</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.337.224.160</b>	<b>42.952.729.728</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.048.642.835	7.985.578.564
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	161.879.670	(82.910.052)
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(873.298.345)</b>	<b>35.050.061.216</b>
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>(28)</b>	<b>1.108</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:

  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng



  
Hsu Ching Yao  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.337.224.160	42.952.729.728
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	6.819.502.846	7.147.428.623
Các khoản dự phòng	03	(820.814.021)	2.229.424.445
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.891.962.538)	(1.731.946.656)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(4.847.933.256)	(4.118.847.131)
Chi phí lãi vay	06	15.666.354.919	11.668.121.616
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.262.372.110</b>	<b>58.146.910.625</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	99.899.859.286	(88.769.232.394)
Biến động hàng tồn kho	10	628.251.673	49.981.477.184
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(14.137.126.749)	(85.494.490.166)
Biến động chi phí trả trước	12	(92.647.045)	(644.199.471)
		<b>102.560.709.275</b>	<b>(66.779.534.222)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.734.800.965)	(11.631.285.918)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.102.488.947)	(5.530.250.640)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(814.730.413)	(1.707.967.253)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>80.908.688.950</b>	<b>(85.649.038.033)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

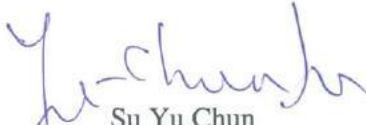
**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.934.684.337)	(2.298.359.791)
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(195.932.301.370)	(189.700.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	179.222.301.370	170.727.720.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.245.012.140	3.099.590.556
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.399.672.197)</b>	<b>(18.171.049.235)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	574.019.395.380	1.130.988.469.541
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(567.230.983.585)	(1.037.793.587.988)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>6.788.411.795</b>	<b>93.194.881.553</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>74.297.428.548</b>	<b>(10.625.205.715)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>89.646.925.771</b>	<b>98.730.873.775</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>258.157.146</b>	<b>231.001.943</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>164.202.511.465</b>	<b>88.336.670.003</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:

  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Hsu Ching Yao  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 346 nhân viên (1/1/2023: 363 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

## Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

0112  
HIN  
NG  
KP  
THO



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf***

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

***(ii) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ cho việc chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh, sản xuất và bán dây cáp điện và chủ yếu trong một vùng địa lý là Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không phụ thuộc vào các biến động thời vụ.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ của năm trước.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.434.118.000	798.393.000
Tiền gửi ngân hàng	146.121.721.075	73.888.532.771
Các khoản tương đương tiền	15.646.672.390	14.960.000.000
	<hr/>	<hr/>
	164.202.511.465	89.646.925.771

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm từ 2,5% đến 5,0% trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 3,8% một năm).

**8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>Lãi suất</b>	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>năm</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	8,2% - 9,0%	161.630.130.353	144.920.130.353

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo thanh toán cho việc cung cấp điện từ nhà cung cấp với số tiền là 1.200 triệu VND (1/1/2023: 1.200 triệu VND); và đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Công ty với số tiền là 1.240 triệu VND (1/1/2023: 1.240 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Các khoản phải thu ngắn hạn**

**(a) Phải thu của khách hàng**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Bên liên quan khác</b></i>		
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	6.203.647.218	7.640.227.833
<i><b>Các bên thứ ba</b></i>		
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	39.565.449.115	58.457.622.692
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	31.818.822.839	85.267.316.128
Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	21.950.666.015	18.652.294.154
Các khách hàng khác	115.181.068.941	123.595.598.411
	<hr/>	
	214.719.654.128	293.613.059.218

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**(b) Trả trước cho người bán**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Đức Biên để mua nguyên vật liệu	23.129.397.720	43.253.325.522
Trả trước khác	2.484.697.255	367.674.085
	<hr/>	
	25.614.094.975	43.620.999.607

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	134.235.000	-	660.837.996	-
Nguyên vật liệu	68.285.603.440	-	73.446.934.047	-
Sản phẩm dở dang	58.400.621.037	(463.521.492)	38.387.694.237	(757.120.862)
Thành phẩm	239.035.265.201	(1.608.028.303)	253.988.510.071	(2.135.242.954)
	<u>365.855.724.678</u>	<u>(2.071.549.795)</u>	<u>366.483.976.351</u>	<u>(2.892.363.816)</u>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	2.892.363.816	2.297.160.514
Tăng dự phòng trong kỳ	-	2.229.424.445
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(820.814.021)	-
Số dư cuối kỳ	<u>2.071.549.795</u>	<u>4.526.584.959</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 47.083 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2023: 50.361 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	151.776.416.530	335.378.044.032	13.218.453.386	4.781.646.517	7.732.118.452	512.886.678.917
Tăng trong kỳ	-	126.360.110	-	-	-	126.360.110
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	151.776.416.530	335.504.404.142	13.218.453.386	4.781.646.517	7.732.118.452	513.013.039.027
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	112.986.794.017	291.048.190.368	12.060.330.493	4.190.831.362	7.437.975.363	427.724.121.603
Khấu hao trong kỳ	1.497.551.130	4.790.945.820	382.693.738	109.359.600	38.952.558	6.819.502.846
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	114.484.345.147	295.839.136.188	12.443.024.231	4.300.190.962	7.476.927.921	434.543.624.449

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	38.789.622.513	44.329.853.664	1.158.122.893	590.815.155	294.143.089	85.162.557.314
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	37.292.071.383	39.665.267.954	775.429.155	481.455.555	255.190.531	78.469.414.578

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 335.626 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 333.788 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	300.000.000
Tăng trong kỳ	2.157.824.227
	2.457.824.227

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Máy móc và thiết bị	2.157.824.227	-
Phần mềm vi tính	300.000.000	300.000.000
	2.457.824.227	300.000.000

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Phí hội viên câu lạc bộ golf VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.140.666.571	2.746.653.178	3.887.319.749
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(711.607.769)	(740.032.049)
	1.112.242.291	2.035.045.409	3.147.287.700



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	1.015.681.909	1.015.681.909	1.391.972.696	1.391.972.696
<b>Các bên thứ ba</b>				
Công ty TNHH Nhựa Vitahco	5.297.182.000	5.297.182.000	1.811.697.250	1.811.697.250
Công ty TNHH Vinacompound Hưng Yên	2.084.170.000	2.084.170.000	2.065.965.000	2.065.965.000
Tong Hsieh Chemical Industrial Co., Ltd	1.394.600.000	1.394.600.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	4.065.528.235	4.065.528.235	3.922.522.232	3.922.522.232
	<b>13.857.162.144</b>	<b>13.857.162.144</b>	<b>9.192.157.178</b>	<b>9.192.157.178</b>

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế**

**(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.588.409.073	73.644.203.841	(24.000.000.000)	(47.145.525.602)	16.087.087.312

**(b) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	518.987.624	46.626.537.978	-	(47.145.525.602)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	34.480.232.396	(34.480.232.396)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.144.575.289	5.048.642.835	(4.102.488.947)	(752.913.226)	1.337.815.951
Thuế thu nhập cá nhân	655.089.925	1.327.886.541	(1.745.323.208)	-	237.653.258
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.441.977.675	(1.441.977.675)	-	-
Các loại thuế khác	-	2.879.362.509	(2.879.362.509)	-	-
	2.318.652.838	91.804.639.934	(44.649.384.735)	(47.898.438.828)	1.575.469.209





**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	12.272.232.800	-
Phải trả khác	148.344.362	145.018.657
	<hr/>	<hr/>
	12.420.577.162	145.018.657
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Vay ngắn hạn**

	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	489.622.723.777	489.622.723.777	574.019.395.380	(567.230.983.585)	496.411.135.572	496.411.135.572

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

- Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)
- Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)
- Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN, Chi nhánh Đồng Nai (b)
- Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)
- Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Hà Nội (a)
- Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Hà Nội (b)
- Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)

Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
7,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	125.840.114.464	85.742.026.153
7,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,25%	116.723.070.256	141.693.553.534
4,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,35%	93.771.113.753	-
3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 0,94%	68.096.837.099	34.004.636.261
4,5 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	60.390.000.000	6.000.000.000
3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,44%	31.590.000.000	74.400.000.000
3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	-	147.782.507.829

496.411.135.572 489.622.723.777

a. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.

b. Các khoản vay này không có đảm bảo.

18/06/2023

18/06/2023

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	89.321.287.041	93.283.134.886	489.231.032.564
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Cổ tức (Thuyết minh 20) Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	10.046.866.197	(10.046.866.197)	-
	-	-	-	(1.707.967.253)	(1.707.967.253)
	-	-	-	(27.612.523.800)	(27.612.523.800)
	-	-	-	35.050.061.216	35.050.061.216
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	99.368.153.238	88.965.838.852	494.960.602.727
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	99.368.153.238	85.865.989.924	491.860.753.799
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Cổ tức (Thuyết minh 20) Lỗ thuần trong kỳ	-	-	4.792.531.843	(4.792.531.843)	-
	-	-	-	(814.730.413)	(814.730.413)
	-	-	-	(12.272.232.800)	(12.272.232.800)
	-	-	-	(873.298.345)	(873.298.345)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	104.160.685.081	67.113.196.523	477.900.492.241



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 19. **Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

## 20. **Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 10 tháng 4 năm 2023 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 12.272 triệu VND (400 VND trên mỗi cổ phiếu) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 27.613 triệu VND).

## 21. **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.986.642.424	3.939.400.242
Trong vòng hai đến năm năm	15.946.569.696	15.757.600.968
Sau năm năm	48.689.269.336	50.154.943.630
	68.622.481.456	69.851.944.840

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.813.180	112.676.532.563	2.272.019	53.551.638.595

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>Từ 1/1/2023</b>	<b>Từ 1/1/2022</b>
	<b>đến 30/6/2023</b>	<b>đến 30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	712.633.097.110	1.134.266.128.978
▪ Bán hàng hóa	596.615.400	25.479.800
▪ Bán phế liệu	6.384.100.641	8.669.869.556
▪ Cho thuê	433.835.840	388.984.280
	720.047.648.991	1.143.350.462.614
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	2.748.350
Doanh thu thuần	720.047.648.991	1.143.347.714.264

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ		
▪ Thành phẩm đã bán	666.802.007.194	1.060.092.719.373
▪ Hàng hóa đã bán	572.375.874	17.123.075
▪ Dịch vụ cho thuê	61.267.323	62.696.954
▪ (Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(820.814.021)	2.229.424.445
	<hr/>	<hr/>
	666.614.836.370	1.062.401.963.847

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.847.933.256	4.118.847.131
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.698.117.462	8.164.024.123
	<hr/>	<hr/>
	11.546.050.718	12.282.871.254

**26. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
Chi phí lãi vay	15.666.354.919	11.668.121.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.642.834.995	3.964.724.229
	<hr/>	<hr/>
	25.309.189.914	15.632.845.845

**27. Chi phí bán hàng**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
Chi phí nhân viên	6.102.966.841	6.267.893.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.677.993.246	1.794.959.199
Chi phí khác	4.387.232.323	5.358.093.628
	<hr/>	<hr/>
	12.168.192.410	13.420.946.386



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
Chi phí nhân viên	11.138.072.212	10.535.819.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.685.176.494	7.703.207.216
Chi phí khác	2.994.992.925	2.983.493.123
	<b>21.818.241.631</b>	<b>21.222.519.422</b>

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	613.826.768.234	953.837.632.207
Chi phí nhân công và nhân viên	34.991.996.745	35.644.793.164
Chi phí khấu hao	6.819.502.846	7.147.428.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.167.236.538	31.383.976.382
Chi phí khác	22.182.108.393	25.693.419.724

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	2.843.472.578	7.985.578.564
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	2.205.170.257	-
	<b>5.048.642.835</b>	<b>7.985.578.564</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	161.879.670	(82.910.052)
	<b>5.210.522.505</b>	<b>7.902.668.512</b>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.337.224.160	42.952.729.728
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	650.583.624	6.442.909.459
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho Chi nhánh	478.127.355	686.402.406
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	537.040.000	303.889.056
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.339.601.269	469.467.591
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	2.205.170.257	-
	<b>5.210.522.505</b>	<b>7.902.668.512</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

*Trụ sở chính*

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế. Ưu đãi thuế suất này không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng đã được Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

*Chi nhánh*

Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên số (lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ cho việc chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ, được tính như sau:

**(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trong kỳ	(873.298.345)	35.050.061.216
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	(1.051.501.836)
	(873.298.345)	33.998.559.380

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ	30.680.582	30.680.582

**(iii) (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND</b>	<b>Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND</b>
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(28)	1.108



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ/năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>				
<b>Taya Taiwan Electric Wire &amp; Cable Co., Ltd.</b>				
Mua nguyên vật liệu	672.282.655	2.069.876.111	-	184.329.903
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.015.478.766	1.631.242.144	1.015.681.909	1.207.642.793
Phí dịch vụ	13.856.760.000	13.495.485.000	-	-
<b>Công ty mẹ</b>				
<b>Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.</b>				
Cổ tức đã phân phối	9.822.068.800	22.099.654.800	9.822.068.800	-
<b>Các bên liên quan khác</b>				
<b>Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)</b>				
Bán thành phẩm	18.011.272.509	4.855.499.826	6.203.647.218	7.640.227.833
Mua nguyên vật liệu	-	7.465.903	-	-
Cho thuê	433.835.840	388.984.280	-	-
<b>Công ty TNHH Jung Shing Wire (Việt Nam)</b>				
Bán thành phẩm	1.225.710.091	-	-	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>				
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.525.855.413	2.400.717.253	-	-
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	783.902.350	930.267.900	-	-
Cổ tức đã phân phối cho thành viên Hội đồng Quản trị	178.385.200	393.266.700	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch	215.906.846	541.589.928	186.075.983	202.156.322

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd., công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 8 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

**33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Mua tài sản dài hạn nhưng chưa thanh toán	349.500.000	-

**34. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:

  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Hsu Ching Yao  
Tổng Giám đốc

  
001-C.T.T.N.H.H  
NH  
TNHH  
G  
CHÍ MINH